

Bản án số: 112/2025/HNGĐ-ST.

Ngày: 20/8/2025.

Về việc: “Xin ly hôn và nuôi con chung”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 – AN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Đặng Thanh Sang**

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông **Danh Sà Khol**

Ông **Cao Minh Trung**

*Thư ký phiên tòa:* Bà **Nguyễn Ngọc Diệp** - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 – An Giang.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – An Giang tham phiên tòa:*  
Không.

Ngày 20 tháng 8 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - An Giang xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 118/2025/TLST- HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2025 về việc: “Xin ly hôn và nuôi con chung”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2025/QĐXXST - HNGĐ, ngày 04 tháng 7 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2025/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Danh Bích D**, sinh năm 2003 (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: tổ 6, ấp V, xã H, tỉnh A.

- *Bị đơn:* Anh **Trần Văn H**, sinh năm 2000 (Vắng mặt).

Địa chỉ: ấp V, xã H, tỉnh A.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

*\* Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Danh Bích D trình bày như sau:*

- Về hôn nhân: Chị Danh Bích D và anh Trần Văn H tự tìm hiểu yêu thương nhau, được hai bên gia đình tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Thổ Sơn, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết

hôn vào ngày 08/5/2024. Thời gian đầu vợ chồng sống rất hạnh phúc, tuy nhiên thời gian sau thì giữa chị D và anh H phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, anh H không lo làm ăn mà lo ăn chơi, thường xuyên bạo lực gia đình nên chị D và anh H đã sống ly thân 05 tháng nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được và không thể hàn gắn được. Do đó, chị D yêu cầu được ly hôn với anh Trần Văn H.

- Về con chung: Chị Danh Bích D và anh Trần Văn H trong thời gian chung sống có một người con chung tên Trần Phúc K, sinh ngày 21/7/2024, hiện nay đang sống cùng chị D. Ly hôn, chị D yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Chị Danh Bích D và anh Trần Văn H không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Chị Danh Bích D và anh Trần Văn H không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* *Bị đơn anh Trần Văn H trình bày:* Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh Trần Văn H. Tuy nhiên, anh H không đến Tòa án để làm việc và không thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, Tòa án không ghi nhận được lời khai của anh Trần Văn H trong hồ sơ vụ án.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Qua nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Theo đơn khởi kiện nguyên đơn chị Danh Bích D yêu cầu được ly hôn với bị đơn anh Trần Văn H. Bị đơn cư trú tại ấp V, xã H, tỉnh A. Xét thấy đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4 - An Giang theo quy định tại Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Điều 5 Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao quy định về việc “Hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân”.

[2] *Về thủ tục tố tụng:* Nguyên đơn chị Danh Bích D có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Trần Văn H đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ Luật tố tụng dân sự

năm 2015 Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử trong trường hợp vắng mặt nguyên đơn chị Danh Bích D và bị đơn anh Trần Văn H tại phiên tòa.

*[3] Về nội dung vụ án:*

*[3.1] Về hôn nhân:* Qua các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án Hội đồng xét xử có cơ sở xác định chị Danh Bích D và anh Trần Văn H kết hôn vào năm 2024, có thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Thổ Sơn, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 08/5/2024. Như vậy, hôn nhân giữa chị Danh Bích D và anh Trần Văn H là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Theo đơn khởi kiện chị Danh Bích D yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Văn H do bất đồng quan điểm, anh H không lo làm ăn mà lo ăn chơi, thường xuyên bạo lực gia đình nên chị D và anh H đã sống ly thân 05 tháng nay. Trong thời gian sống ly thân chị D và anh H không liên lạc, quan tâm, chăm sóc nhau. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án có tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh H hợp lệ nhưng anh H vẫn vắng mặt không đến Tòa án để hòa giải đoàn tụ với chị D và chị D vẫn cương quyết ly hôn không muốn hàn gắn cùng anh H. Từ những chứng cứ nêu trên có căn cứ để chứng minh được mối quan hệ hôn nhân giữa chị D và anh H đã mâu thuẫn đến mức trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn và hôn nhân không đạt được mục đích. Nên việc chị D xin ly hôn với anh H Hội đồng xét thấy có cơ sở để chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

*[3.2] Về con chung:* Chị Danh Bích D và anh Trần Văn H có một người con chung tên Trần Phúc K, sinh ngày 21/7/2024, hiện con chung đang sống cùng chị D.

Xét yêu cầu nuôi con của chị D thì Hội đồng xét xử nhận thấy: Hiện chị D là người đang trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Khang. Trong quá trình chung sống với chị D thì cháu Khang được chị D chăm sóc, nuôi dưỡng và phát triển bình thường. Do đó, để đảm bảo ổn định cuộc sống của cháu Khang, giúp cháu Khang phát triển tốt về mặt thể chất và tinh thần. Hội đồng xét xử giao cháu Trần Phúc K cho chị D tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

*[3.3] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung:* Chị Danh Bích D trình bày có đủ khả năng để nuôi dưỡng con chung nên không yêu cầu anh Trần Văn H phải cấp dưỡng nuôi con. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét

[3.4] *Về tài sản chung*: Chị Danh Bích D xác định anh chị không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[3.5] *Về nợ chung*: Chị Danh Bích D xác định anh chị không có nợ ai và không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[4] *Về án phí hôn nhân và gia đình*: Chị Danh Bích D phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

***Vì các lẽ trên;***

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

- Áp dụng các Điều 56; 58; 81; 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

### **\* Tuyên Xử:**

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Danh Bích D.

1/. Về hôn nhân: Chị Danh Bích D được ly hôn với anh Trần Văn H.

2/. Về con chung: Giao con chung tên Trần Phúc K, sinh ngày 21/7/2024 cho chị Danh Bích D tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Anh Trần Văn H có quyền được thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản theo quy định của pháp luật.

3/. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Anh Trần Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

4/. Về tài sản chung: Không có yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên không xét.

5/. Về nợ chung: Không có yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên không xét.

6/. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Danh Bích D phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Danh Bích D đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009996 ngày 27/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự

huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4 – An Giang). Theo đó chị D không phải nộp thêm.

7/. Quyền kháng cáo: Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh An Giang;
- VKS khu vực 4 – An Giang;
- THADS tỉnh An Giang;
- Đương sự;
- UBND xã Hòn Đất;
- Lưu;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đặng Thanh Sang**